

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày : 10 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Nhà văn hóa xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. TVT (Tuần Ka), sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp VL, TTCD, huyện CP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ka (chết), và bà Nguyễn Thị Lanh, sinh năm 1968; chưa có vợ; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ 03; tiền án: Chưa; tiền sự: Ngày 12/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 13 tháng, chấp hành xong vào ngày 18/01/2019. Nhân thân: Từ 12 tuổi đến nay sống tại ấp VL, TTCD, huyện CP, tỉnh An Giang; bị bắt tạm giam ngày 22 tháng 02 năm 2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NVG, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Danh (Vân), sinh năm 1970 và bà LTKP, sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Hoàng Thúy Oanh, sinh năm 1980; có 01 con là Nguyễn Thị Thúy Sang, sinh năm 2009; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ 01; tiền án: Ngày 30/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2015 nhưng chưa nộp 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tiền sự: Chưa; nhân thân: Từ nhỏ sống cùng gia đình tại xã Bình Long, huyện Châu Phú. Đến năm 04 tuổi cùng gia đình chuyển về ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cho đến nay. Ngày 10/10/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/01/2006; Ngày 24/01/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc, thời gian là 03 tháng; bị cáo bị tạm giam vào ngày 22/02/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà PTKT, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp KT, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà LTKP, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

- Ông PTT, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông PHL, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông PPT, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 07, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông PHT, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp KT, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông NNH, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp KT, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông PVL, sinh năm 1994. Tổ 13, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/02/2019, TVT (Tuấn Ka) rủ NVG và nói “hết tiền rồi, đi kiếm tiền” thì NVG hiểu là chạy xe đi trên đường thấy ai có tài sản sơ hở là lấy hoặc có vàng thì giật. Giàu điều khiển xe mô tô biển số 68S8-8117 chở Tuấn ngồi phía sau đi từ hướng thành phố Châu Đốc đến hương lộ nông thôn ấp Khánh Thuận, xã Khánh Hòa thì Tuấn phát hiện PTKT đang điều khiển xe mô tô biển số 67M4 – 1170 chạy cùng chiều phía trước, trên cổ có đeo một dây chuyền vàng. Tuấn rủ “Bà đó có đeo dây chuyền kìa giật không?” thì Giàu trả lời “Giật thì giật”. Giàu chạy áp sát xe của chị Thúy, Tuấn ngồi sau dùng tay phải nắm dây chuyền trên cổ của chị Thúy và giật mạnh làm đứt dây chuyền rồi bỏ vào túi quần phía trước bên phải của Tuấn. Giàu tăng ga bỏ chạy về hướng ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang. Lúc này, chị Thúy tri hô và đuổi theo, đồng thời điện thoại cho em ruột là PTT để chặn bắt. Tùng kêu mọi người cùng chặn bắt Tuấn và Giàu. Khi bị chặn xe Tuấn liền ném bỏ dây chuyền xuống lề đường phía bên trái, bị PHL phát hiện. Cùng lúc, Thúy chạy xe đến và nhận ra dây chuyền của mình vừa bị giật. Thúy cùng người dân giao Tuấn và Giàu cho công an xã Khánh Hòa lập biên bản phạm tội quả tang.

*** Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 15/KL.ĐGTSTTHS ngày 29/3/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang kết luận:** 01 dây chuyền vàng (màu vàng + trắng), dài 45cm, kiểu dây xoắn 03 màu, đã kiểm tra chất lượng với khối lượng 02 chỉ 57,4; hàm lượng vàng 590 (loại 18k). Tổng giá trị định giá tài sản là 7.078.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-CP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo TVT, NVG về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo TVT, NVG khai nhận như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố không bị các cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, khai nhận hành vi phạm tội là do các bị cáo tự nguyện khai. Lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của các bị cáo đều khai do hết tiền nên Tuấn rủ Giàu tìm tài sản giật bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể là có tiền mua ma túy sử dụng thì được Giàu đồng ý. Sau khi thống nhất, Giàu dùng xe mô tô biển số 68S8 – 8117 chở Tuấn trên hương lộ ấp Khánh Thuận, xã Khánh Hòa thì phát hiện chị Thúy có đeo dây chuyền vàng trên cổ nên Tuấn rủ Giàu giật dây chuyền của chị Thúy. Ngay khi Tuấn rủ thì Giàu đồng ý và cho xe chạy áp sát vào xe chị Thúy đang lưu thông trên đường để Tuấn ngồi sau dùng tay phải giật mạnh dây chuyền vàng của chị Thúy, rồi tăng ga bỏ chạy. Các bị cáo chạy được một đoạn thì bị mọi người chặn bắt, lúc này do sợ bị phát hiện nên Tuấn ném bỏ dây chuyền thì bị anh PHL phát hiện, mọi người giữ Tuấn và Giàu lại giao cho công an xã Khánh Hòa cùng tang vật.

*** Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với các chứng cứ sau:**

- **Lời khai của chị PTKT** trình bày phù hợp nội dung vụ án, chị Thúy đã nhận lại đúng dây chuyền của chị bị Tuấn và Giàu giật. Chị Thúy không yêu cầu bồi thường gì thêm, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

- **Lời khai của PTT, PHL, Phạm Phúc Thor, PHT, NNH, PVL** trình bày phù hợp nội dung vụ án.

- **Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan LTKP trình bày:** Chiếc xe mô tô biển số 68S8-8117 của bà mua cho Giàu cách đây 02 năm, mua chưa làm thủ tục sang tên, bà Phụng yêu cầu được nhận lại xe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú trình bày lời luận tội, đề nghị giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; riêng bị cáo Giàu áp dụng thêm điểm h Điều 52, khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt: Bị cáo TVT mức án từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo NVG mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, quá trình điều tra bị hại Thúy đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu đối với xe mô tô biển số 68S8 – 8117, kèm giấy chứng nhận xe để phát mãi sung vào ngân sách nhà nước. Do các bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại PTKT, những người làm chứng đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, giai đoạn điều tra đã trình bày rõ lời khai của mình, bị hại Thúy đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

Trong vụ án, bị cáo Tuấn là người rủ bị cáo Giàu thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Các bị cáo không bàn bạc lên kế hoạch phạm tội trước, không phân công vai trò cụ thể nhưng khi Tuấn rủ Giàu và nói “Hết tiền rồi, kiếm tiền xài” thì Giàu hiểu ngay là Tuấn rủ đi tìm tài sản để giật. Như vậy, cho thấy ý thức của các bị cáo thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do vậy, cần phải phân hóa vai trò, hành vi của từng bị cáo để xác định đúng trách nhiệm hình sự đối với từng người phạm tội, quyết định hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội, phù hợp với nhân thân cũng như hoàn cảnh của người phạm tội mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Hành vi của các bị cáo như sau: Giàu điều khiển xe mô tô biển số 68S8 – 8117 của Giàu chở Tuấn ngồi phía sau đi từ hướng Châu Đốc đến hương lộ nông thôn xã Khánh Hòa, khi đến ấp Khánh Thuận thì Tuấn phát hiện chị Thúy chạy xe cùng chiều có đeo dây chuyền vàng trên cổ nên Tuấn rủ Giàu thực hiện, lúc này Giàu cho xe chạy cặp xe chị Thúy để cho Tuấn ngồi sau dùng tay phải giật mạnh làm đứt dây chuyền, lấy dây chuyền bỏ túi quần và tăng ga để tẩu thoát.

Đối với bị cáo TVT (Tuấn Ka) là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ lời khai của bị cáo Tuấn tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Giàu, phù hợp lời khai của bị hại, lời khai những người làm chứng, bản ảnh hiện trường và phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định: Bị cáo Tuấn là người bàn bạc, đề xuất, rủ bị cáo Giàu đi kiếm tiền, nghĩa là rủ bị cáo Giàu đi tìm tài sản của ai sơ hở để lấy hoặc có vàng để giật. Bị cáo Giàu đồng ý nên dùng xe mô tô chở bị cáo Tuấn và khi phát hiện chị Thúy có đeo vàng thì Giàu chạy cặp sát để cho Tuấn là người trực tiếp thực hiện hành vi giật dây chuyền vàng của chị Thúy rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bản thân Tuấn có tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” đã được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện thì bị cáo lại tái nghiện, để có tiền mua ma túy sử dụng nên đã rủ Giàu cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Giàu: Bản thân bị cáo Giàu có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi chấp hành án xong, bị cáo không tu dưỡng phẩm chất đạo đức mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khi được Tuấn rủ tham gia thực hiện hành vi giật dây chuyền của người khác thì bị cáo Giàu tiếp nhận ý chí của Tuấn và đồng ý thực hiện tội phạm. Tuy bị cáo Giàu không phải là người chủ

mưu nhưng là người giúp sức tích cực, sử dụng xe mô tô là loại phương tiện nguy hiểm chở Tuấn. Khi phát hiện đối tượng có đeo dây chuyền vàng thì Giàu chạy áp sát chị Thúy tạo điều kiện thuận lợi cho Tuấn ngồi sau giật tài sản của chị Thúy.

[4] Về tính chất vụ án: Các bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, có tiền mua ma túy sử dụng nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo xâm phạm về tài sản hợp pháp của chị Thúy. Trong vụ án, các bị cáo dùng xe mô tô là loại phương tiện nguy hiểm sử dụng vào việc phạm tội, việc dùng xe mô tô làm phương tiện giật tài sản là nguy hiểm, có thể làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, người tham gia giao thông. Do vậy, hành vi của các bị cáo thỏa mãn tính tiết định khung tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 7.078.000 đồng. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Qua xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo, nhân thân của các bị cáo thì hành vi là như nhau nên cần xử các bị cáo mức án bằng nhau nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục thành công dân tốt là có căn cứ, phù hợp với hành vi phạm tội.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản kịp thời thu giữ giao trả bị hại, thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo Giàu đã bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Tuấn có một tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” cho thấy nhân thân không tốt. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử các bị cáo, quyết định mức hình phạt như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là LTKP có yêu cầu xin nhận lại xe mô tô biển số 68S8-8117 mà bị cáo Giàu sử dụng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phụng xác định chiếc xe này là bà Phụng mua cho bị cáo Giàu làm phương tiện đi lại nên chiếc xe mô tô biển số 68S8-8117 nên thuộc quyền sở hữu của bị cáo Giàu mặc dù chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo Giàu sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nếu bà Phụng có tranh chấp về chiếc xe mô tô với bị cáo Giàu thì kiện bị cáo Giàu bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ các vật chứng gồm 01 xe mô tô biển số 68S8-8117 đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng xe bên trong (có chìa khóa xe kèm theo), nhãn hiệu FIMEX, dung tích xilanh 107cm³, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy S152FMH00002720, số khung MPCH053FM002720; 01 giấy chứng nhận

đăng ký xe mô tô biển số 68S8-8117 số 0047556; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô số 90040931; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô số 90040931. Đây là tài sản dùng vào việc phạm tội, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu xe mô tô biển số 68S8-8117 (kèm giấy tờ xe phát mãi sung vào ngân sách nhà nước), tiếp tục quản lý giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho đến khi hết thời hạn bảo hiểm xe.

[9] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo TVT (Tuấn Ka) và NVG phạm tội “Cướp giật tài sản”

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo TVT (Tuấn Ka) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 02 năm 2019.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo NVG 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 02 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không;

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu xe mô tô biển số 68S8-8117 đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng xe bên trong (có chìa khóa xe kèm theo), nhãn hiệu FIMEX, dung tích xilanh 107cm³, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy S152FMH00002720, số khung MPCH053FM002720 (kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68S8-8117 số 0047556) phát mãi sung vào ngân sách nhà nước.

- Tiêu hủy 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô số 90040931; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô số 90040931 khi hết thời hạn bảo hiểm của xe mô tô biển số 68S8-8117. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 9 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú quản lý.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- CA, VKS huyện CP;
- Tòa án tỉnh AG;
- THA Châu Phú;
- Lưu HS – VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh

